

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2/ Bị đơn: Anh Lê Hữu P, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lê Bảo B, sinh ngày 03/12/2019;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh H;

Đại diện hợp pháp của cháu B: Anh Lê Hữu P và chị Bùi Thị T là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/10/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị T và anh Lê Hữu P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Hữu P nhất trí thuận tình

ly hôn.

* Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Lê Hữu P xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo B, sinh ngày 03/12/2019. Chị T và anh P thỏa thuận thống nhất giao cháu Lê Bảo B cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T và anh P thỏa thuận chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng để nuôi dưỡng cháu B là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu chị T không thi hành theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Bùi Thị T và anh Lê Hữu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Bùi Thị T và anh Lê Hữu P thỏa thuận thống nhất chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006164 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Q, GCNKH số 44/2019;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q